

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 14 - 8 -2020

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán: 1/ Ông Huỳnh Văn Ngoan;

2/ Ông Nguyễn Thanh Triều

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2020/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 03 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 672/2018/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 132/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 03 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bé Ng**, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Ng: Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: Số 25/1 đường Đ, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã Tr, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Tên viết tắt: Agribank).

Địa chỉ: Số 2 L, Phường Th, Quận B, Hà Nội.

Người đại diện cho Agribank: Anh Nguyễn Thành Th sinh năm 1978. Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C, Tiền Giang (có mặt);

Địa chỉ: ấp V, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo giấy ủy quyền số 15/GUQ ngày 03/8/2018 của Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện C, Tiền Giang.

3.2 Chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Th, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.3 Chị Thái Thị C, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.4 Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1950 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.5 Chị Lưu Bửu H, sinh năm 1967; (vắng mặt)

Đại chỉ: Ấp Th, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.6 Chị Nguyễn Thị Lệ N, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã Tr, huyện C, Tiền Giang.

3.7 Chị Nguyễn Thị Dạ Th sinh năm 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Th, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

-*Người kháng cáo:* Bị đơn – Anh Nguyễn Văn N;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn Nguyễn Thị Bé Ng trình bày: Chị và anh N chung sống vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào năm 2007. Chị và anh N chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân sau khi chị xuất viện điều trị bệnh do bị tai nạn giao thông, anh N không tin tưởng tình cảm của chị đối với anh N nên anh N thường xuyên có lời lẽ xúc phạm chị. Chị vì con đã cố gắng nhẫn nhịn và khuyên nhưng anh N không nghe làm mâu thuẫn giữa chị và anh N đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N. Chị và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Thành Tr sinh ngày 09/3/2007, chị đang nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa chị chỉ yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con là 700.000 đồng. Chị và anh N có các khoản nợ gồm: Ngày 20/1/2017, anh N vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn C - Phòng Giao dịch V số tiền 86.000.000 đồng. Thời hạn vay 24 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 20/01/2019 theo

Hợp đồng tín dụng 6903LAV201700754 ngày 20/1/2017; Nợ chị Nguyễn Thị Hồng P 80.000.000 đồng, vay 2 lần cụ thể 60.000.000 đồng mua đất ở xã Đ, huyện C, Tiền Giang và 20.000.000 đồng anh N mượn chi phí Luật sư trong vụ kiện của gia đình anh N; Nợ chị Thái Thị C 01 lượng vàng 24k để mua đất nền ở xã Đ năm 2016; Nợ mẹ của chị tên Đỗ Thị S 01 lượng vàng 24k vào năm 2016 để lo đám tang cho cha mẹ chồng chị; Nợ tiền hui đã mất của chị Lệ N 15.000.000 đồng. Chị yêu cầu chia đôi số nợ trên cho chị và anh N mỗi người có trách nhiệm trả ½. Đối với số tiền của chị H 30.000.000 đồng chị mượn điều trị bệnh sau khi sống ly thân với anh N. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị trình bày sẽ thỏa thuận với chị H nên chị không yêu cầu anh N có nghĩa vụ trả cho chị H. Đối với chị Nguyễn Thị Ngọc H (Bé M), Phạm Thị Mỹ L và Nguyễn Thị Dạ Th chị trình bày: chị và anh N có nợ tiền hui của chị L, chị Th, còn tiền hui của chị H là tài sản chung nhưng anh N không thừa nhận. Tuy nhiên chị L, chị Th và chị H có làm bản khai trình bày: Chị L, chị Th giao dịch hui với cá nhân chị, còn chị H cho là giao dịch hui với cá nhân với anh N. Do đó các chị cho rằng không là trách nhiệm chung và không yêu cầu chị hay anh N trong vụ kiện này. Vì vậy chị không yêu cầu giải quyết đối với tiền nợ hui của chị Th, chị L và tiền hui của chị H.

**Chị Nguyễn Thị Bé Ng thống nhất với lời trình bày và ý kiến của bà Nguyễn Minh Hoàng H là người đại diện theo ủy quyền của chị về tài sản và việc phân chia tài sản chung như sau:* Thừa đất 1762, tờ bản đồ số 2, diện tích 1292.2m² tọa lạc ấp B xã Tr, huyện C tỉnh Tiền Giang. Đất được Ủy ban nhân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ CH01058 ngày 31/12/2014 cho chị Ng, anh N và thửa đất 2101, tờ bản đồ số 2, diện tích 150 m² tọa lạc ấp Th xã Đ, huyện C tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ CH00614 ngày 14/01/2012 cho anh N. 01 xe mô tô hiệu Arblade biển số 63B3- 157.76 do chị Ng đứng tên. Xe và giấy đăng ký xe anh N quản lý. Vật dụng sinh hoạt: 01 bộ salon, 01 tủ lạnh, 01 đầu đĩa, 01 giường hộp, 01 máy giặt, 01 bếp ga do chị Ng quản lý. Nữ trang gồm: 01 dây chuyền 18K, trọng lượng 02 chỉ; 01 đôi bông tai 18K, trọng lượng 0,5 chỉ; 01 nhẫn nam 18K, trọng lượng 03 chỉ và 01 nhẫn nam 24K, trọng lượng 05 chỉ. Tiền mặt còn lại sau khi trừ chi phí chữa bệnh cho chị Ng là 50.00.000 đồng. Khác: 100 con gà sắp xuất chuồng và 1.500 con cá tai tượng. anh N đã bán. Đối với tiền mặt và nữ trang nêu trên anh N không thừa nhận. Nhưng căn cứ vào bản tự khai của anh N ngày 21/12/2017, ngày 09/01/2018, chị Ng thống nhất giá trị tài sản chị yêu cầu theo lời thừa nhận của anh N trong bản tự khai trên gồm: 01 đôi bông tai 18K, trọng lượng 0,5 chỉ; 01 nhẫn nam 18K, trọng lượng 1, 5 chỉ tổng cộng là 2 chỉ vàng 18K; 01 nhẫn nam 24K, trọng lượng 05 chỉ và tiền mặt là 21.000.000 đồng; tiền bán gà 2.200,000 đồng. Riêng bộ vòng xi men 01 lượng anh N tặng cho chị Ng và 16.900.000 đồng anh N nhận của bà S và bà S trình bày tiền này là của chị Th đưa cho chị Ng nên là tài sản riêng của chị Ng yêu cầu anh N trả cho chị Ng số tiền 16.900.000 đồng và giá trị đối với bộ vòng ximen 01 lượng vàng 18k theo giá vàng tại thời điểm xét xử.

Chị Ng yêu cầu chia đôi tài sản chung nêu trên, chị nhận thừa đất 2101, tờ bản đồ số 2, diện tích 150 m² tọa lạc ấp Th xã Đ, huyện C tỉnh Tiền Giang để cất

nhà ở do chị và con chung đang ở nhà thuê. Khi chị Ng thực hiện việc trả tiền cho Agribank đề nghị nhận lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ CH00614 ngày 14/01/2012; nhận 01 xe mô tô hiệu Airblade biển số 63B3-157.76 do chị đang đứng tên và làm phương tiện đi lại. Tài sản còn lại chị yêu cầu nhận bằng giá trị theo biên bản định giá của Tòa án. Đối với 01 bộ salon và 01 giường hộp gỗ anh N có yêu cầu nhận, chị Ng đồng ý, nếu vật dụng sinh hoạt còn lại chị Ng sở hữu có giá trị chênh lệch yêu cầu anh N hoàn.

Đối với tài sản còn lại gồm: Căn nhà trên thửa đất số 1761, tờ bản đồ số 2 tọa lạc ấp B xã Tr, huyện C, Tiền Giang do ông D đứng quyền sử dụng đất và vật dụng sinh hoạt 01 đi văng gỗ, 02 bàn tròn gỗ, 20 ghế đầu anh N đang quản lý; 01 xe hiệu Damsan biển số 63S3. 3213 do anh N đứng tên và Cá. Chị Ng không tranh chấp. Riêng 01 dây chuyền 18K, trọng lượng 04 chỉ (Của con Thành Tr) chị Ng nêu anh N đang quản lý nhưng chị không yêu cầu trong vụ kiện này.

**Anh Nguyễn Văn N thống nhất lời trình của ông Nguyễn Văn D là người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của anh về tài sản, nợ chung và việc phân chia tài sản, nợ chung như sau:*

Về tài sản chung của chị Ng, anh N gồm:

Thửa đất số 2101 diện tích 150m² tọa lạc tại ấp Th, xã Đ, huyện C, Tiền Giang nhận chuyển nhượng của bà Đoàn Thị L do anh N đứng tên quyền sử dụng đất. Anh N trị giá thửa đất này là 250 triệu đồng. Chị Ng nhận đất anh N đồng ý giao nhưng theo giá này, còn không thì anh N nhận hoàn giá trị cho chị Ng. 01 xe Honda Airblade biển số 63B3- 157.76 chị Ng đứng tên, anh N đang sử dụng, anh N đồng ý giao chị Ng sở hữu, hoàn cho anh N ½ giá trị còn lại là 11.000.000 đồng. Vật dụng sinh hoạt gồm: 01 bộ salon, 01 tủ lạnh, 01 đầu đĩa, 01 giường hộp, 01 máy giặt, 01 bếp ga do chị Ng quản lý.

Đối với nữ trang trong thời kỳ chung sống, vợ chồng mua sắm do chị Ng giữ bán chi phí tiêu xài anh N không biết bao nhiêu, loại gì anh N không quản lý; tiền hụi chị Ng đặt ra còn 50.000.000đồng, anh N không biết; Gà, cá chị Ng đặt ra là không còn vì trong thời gian chung sống có chăn nuôi đợt này tới đợt khác nên không còn.

Việc chị Ng căn cứ vào bảng tự khai ngày 21/12/2017, ngày 09/01/2018 của anh N cho rằng tài sản chung tiền mặt 21.000.000 đồng và nữ trang 01 đôi bông tai 18K, trọng lượng 0,5 chỉ; 01 nhẫn nam 18K, trọng lượng 1, 5 chỉ tổng cộng là 2 chỉ vàng 18K; 01 nhẫn nam 24K, trọng lượng 05 chỉ tiền bán gà 2.200.000 đồng. Riêng vòng xi men 01 lượng anh N tặng cho chị Ng và 16.900.000 đồng anh N nhận của bà S. Anh N cho rằng anh khai sai do gia đình anh có chuyện làm anh bị ảnh hưởng tâm lý, sức khỏe nên không nhớ khai không đúng, sau sức khỏe được phục hồi khai lại nên không đồng ý chia hay giao tài sản mà chị Ng yêu cầu. Đối với 01 bộ salon, 01 giường hộp anh N yêu cầu chị Ng giao, nếu có chênh lệch về giá trị anh đồng ý hoàn cho chị Ng.

Đối với thửa đất số 1762 có diện tích 1.292,2m² tọa lạc tại ấp B, xã Tr, huyện C, Tiền Giang nguồn gốc đất là của cha anh N tên Nguyễn Thành D. Ông

D cho bà Nguyễn Thị L mượn bản chính giấy chứng nhận làm thủ tục vay tiền của S, T nhưng bà L không trả tiền cho S và T nên họ yêu cầu giao phần đất này. Đồng thời gia đình của anh có mâu thuẫn nên cha của anh N là ông D muốn vợ chồng anh N sống trên phần đất này nên làm thủ tục chuyển nhượng cho vợ chồng anh đứng tên. Khoảng tiền 71.000.000 đồng ghi trong hợp đồng chuyển nhượng đất thực ra anh N và chị Ng không giao tiền cho ông D mà giữ lại để thờ cúng cha mẹ của anh N. Đối với khoảng tiền chị L nợ của S và T thì chị L làm giấy nợ 71.000.000 đồng cho Ng mục đích lấy lại số tiền đã trả cho S và T. Theo anh N biết thì chị Ng đã nhận toàn bộ tiền của chị L nên không là tài sản chung, không chia, còn về giá trị thửa đất 1762 Hội đồng định giá trị chuyển nhượng thực tế thửa đất này hơi cao nhưng anh N không yêu cầu định giá lại.

Đối với căn nhà trên thửa đất số 1761, tờ bản đồ số 2 tọa lạc ấp B xã Tr, huyện C, Tiền Giang do ông D đứng quyền sử dụng đất; Vật dụng sinh hoạt: 01 đi văng gỗ, 02 bàn tròn gỗ, 20 ghế đầu anh N đang quản lý; 01 xe hiệu Damsan biển số 63S3. 3213 do anh N đứng tên; Cá và 01 dây chuyền 18K, trọng lượng 04 chỉ cho là của con chung. Chị Ng không tranh chấp hay yêu cầu, anh N không có ý kiến.

Về khoảng nợ, chị Ng cho là của chung, anh N có ý kiến như sau:

Anh N đứng vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Châu Thành-Phòng Giao dịch Vĩnh Kim số tiền 86.000.000 đồng, giao bản chính giấy đất của 02 thửa đất nêu trên, nhận tiền vay ngày 20/1/2017, sau đó anh N giao tiền cho chị Ng nên là nợ riêng của chị Ng nên chị Ng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng. Đối với yêu cầu độc lập: Của bà Đỗ Thị S, của chị Lưu Bửu H, của chị Thái Thị C, của chị Nguyễn Thị Hồng P và Nguyễn Thị Lệ N. Anh N không có nhận mượn, anh N không chịu trách nhiệm trả theo yêu cầu của đương sự.

**Anh Nguyễn Văn N trình bày:* Anh và chị Ng kết hôn năm 2007 có đăng ký kết hôn. Thời gian còn sống chung với chị Ng ở nhà thuê. Đến tháng 10/2016 anh có đề nghị chị Ng dọn về nhà cha mẹ của anh để lại cho anh để tiện thờ cúng nhưng chị Ng không chịu và anh không tin vào tình cảm của chị Ng đối với anh nên phát sinh mâu thuẫn, chị Ng khóa cửa nhà thuê không cho anh về nên anh sống ly thân với chị Ng. Chị Ng yêu cầu ly hôn với anh anh thuận tình ly hôn với chị Ng. Anh và chị Ng có 01 con chung như chị Ng nêu và đang nuôi dưỡng. Về con chung muốn ở với cha hay mẹ do cháu quyết định. Mức cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/tháng, anh không đồng ý và tại phiên tòa chị Ng thay đổi mức cấp dưỡng là 700.000 đồng, anh đồng ý cấp dưỡng hàng tháng cho con đến khi cháu Trung đủ 18 tuổi.

**Anh Nguyễn Thành Th là người đại diện cho Agribank trình bày:* Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn C - Phòng giao dịch V có cho anh Nguyễn Văn N vay 86.000.000 đồng. Lãi suất thời điểm cho vay là 9.5%/năm. Thời hạn vay 24 tháng, ngày trả cuối cùng 20/01/2019 theo hợp đồng tín dụng 6903Lav201700754 ngày 20/01/2017. Khi vay tiền có thực hiện việc giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ CH01058 ngày 31/12/2014 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ CH00614 ngày 14/01/201. Nợ trả làm 3 kỳ, kỳ 1

ngày 20/01/2018 trả 11.000.000đồng, kỳ 2 ngày 30/6/2017 trả 32.000.000đồng, kỳ 3 ngày 30/1/2019 trả 43.000.000đồng. Từ ngày vay đến nay đã quá hạn 01 kỳ đã chuyển sang quá hạn nên Agribank không để đến hạn cuối cùng. Nay Agribank yêu cầu anh N và chị Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho Agribank tiền vốn là 86.000.000 đồng, lãi phát sinh tính đến ngày 27/9/2018 là 15.743.593 đồng. Khi chị Ng, anh N thực hiện xong việc trả tiền cho Agribank thì Agribank trả lại bản chính các giấy chứng nhận của các thửa đất nêu trên cho đương sự.

* *Chị Nguyễn Thị Hồng P trình bày:* Chị là chị ruột của chị Ng. Vào năm 2016 chị Ng và anh N mua đất không đủ tiền nên có mượn chị 60.000.000 đồng và năm 2017 mượn tiếp 20.000.000 đồng để anh N lo chi phí Luật sư trong vụ kiện của gia đình anh N. Chị cho mượn không làm biên nhận nhưng anh N biết số tiền này. Chị yêu cầu chị Ng và anh N mỗi người trả $\frac{1}{2}$ là 40.000.000đồng, không tính lãi.

* *Chị Thái Thị C trình bày:* Chị Ng là người làm cho chị Hồng P thu mua trái cây, chị là người bán trái cây nên chị Ng có mượn chị 01 lượng vàng 24K loại vàng nhẫn, 02 chiếc nhẫn, mỗi chiếc 05 chỉ hiệu Phước Thành mượn vào tháng 05/2016 AL để mua đất ở xã Đa. Chị giao vàng cho chị Ng. Thời hạn trả là tháng 12/2016 nhưng không trả hẹn ra tháng giêng 2017 thì chị Ng bị tai nạn giao thông. Mượn không có làm biên nhận, chị không có nói anh N biết. Đến khi chị Ng bị tai nạn chị mới nói cho anh N biết việc chị Bé Ng mượn vàng chị thì anh N nói biết việc mượn vàng trên nhưng anh N nói đã đưa cho chị Ng trả cho chị rồi vào tháng 12/2016 và anh N còn nói với chị việc chị Bé Ng mượn vàng của chị là để mua đất. Chị yêu cầu chị Ng và anh N trả 01 lượng vàng 24K, mỗi người trả $\frac{1}{2}$ 01 lượng vàng 24K.

* *Bà Đỗ Thị S trình bày:* Trước đó bà giao cho anh N mượn 05 chỉ vàng 24k để đóng hụi, sau đó cha anh N chết thì anh N mượn tiếp 05 chỉ vàng lo đám tang. Mượn không có làm biên nhận, không có người chứng kiến. Bà yêu cầu chị Ng và anh N trả 01 lượng vàng 24K.

* *Chị Lưu Bửu H trình bày:* Chị là vợ của chị Ng. Vào tháng 5/2017 khi chị Ng bị tai nạn giao thông có mượn của chị 03 lần tổng cộng là 30.000.000 đồng để trị bệnh. Khi chị Ng mượn tiền không có làm biên nhận, không có người chứng kiến, giao tiền trực tiếp chị Ng. Anh N không biết do anh N chạy xe. Nay chị Ng và anh N tranh chấp ly hôn, do chị Ng mượn tiền bà để trị bệnh trong lúc chị Ng, anh N còn là vợ chồng nên chị yêu cầu chị Ng và anh N mỗi người trả cho chị số tiền này. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị Ng có ý kiến đề thỏa thuận với chị nên chị không yêu cầu giải quyết số tiền của chị đối với chị Ng và anh N.

* *Chị Nguyễn Thị Lệ N trình bày:* Hụi khui ngày 15/7/2016 AL, hụi mẫn 15/3/2018, hụi 3.000.000 đồng tháng, 01 tháng khui lần vào ngày 15 AL. Hụi 22 phần, khi chơi hụi anh N và chị Ng đều có hỏi chơi hụi, chị Ng là người trực tiếp đóng tiền hụi, anh N điện thoại dặn hụi kỳ thứ 11, hốt được 54.000.000 đồng, giao trực tiếp cho anh N nhưng không có làm giấy hụi, giao tiền hụi tại nhà của anh N tại xã Đ, có mặt chị Ng và mẹ vợ của anh N chứng kiến vào ngày 15/6/2017 AL. Hiện nay hụi đã mẫn vào ngày 15/3/2018 AL. Nay chị yêu cầu anh N trả chị 05 kỳ hụi là 15.000.000 đồng do sau khi hốt hụi anh N có đóng cho chị 05 kỳ hụi là

15.000.000 đồng. Nay yêu cầu anh N và chị Ng mỗi người có nghĩa vụ trả cho chị ½ tiền hụi còn nợ là 15.000.000 đồng.

* Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 672/2018/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 55, 33, 43, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điều 213, 463, 466, 470, 471 và 290 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng điểm a, b, c khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé Ng.

1.1 Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bé Ng và anh Nguyễn Văn N.

1.2 Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thành Tr sinh ngày 09 tháng 3 năm 2007 cho chị Nguyễn Thị Bé Ng trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con. Ghi nhận sự tự nguyện của anh N phải đóng góp nuôi con với chị Ng số tiền là 700.000 (Bảy trăm ngàn) đồng/tháng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi.

1.3 Về chia tài sản:

1.3.1 Chia cho chị Nguyễn Thị Bé Ng như sau:

- Thừa đất số 2101, tờ bản đồ số 2, diện tích 150m² tọa lạc tại ấp Th, xã Đ, huyện C, Tiền Giang theo giấy chứng theo quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ CH 00614 ngày 14/01/2012 cho bà Đoàn Thị L, được thay đổi tại phần IV trang 3 ngày 20/5/2016 chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn N. Đất có vị trí: Đông và Bắc giáp Đặng Văn Tr, Tây giáp Đặng Thị D, Nam giáp Đường Bờ Miếu.

- Quyền sở hữu gồm:

- + 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Arblade biển số 63B3- 157.76 do chị Ng đứng tên chứng đăng ký xe mô tô, xe máy, anh N đang quản lý xe.

- +Vật dụng sinh hoạt đang quản lý gồm: 01 tủ lạnh Sanaky, 01 đầu đĩa Arirang, 01 máy giặt Sanyo, 01 bộ bếp ga.

- +½ giá trị gà anh N bán quản lý tiền là 1.100.000 đồng.

- +½ số tiền mặt anh N quản lý 10.500.000 đồng.

- +½ giá trị nữ trang với số tiền 11.126.500 đồng, bao gồm: ½ giá trị đôi bông tai 0,5 chỉ 18K và ½ giá trị 01 nhẫn nam 1,5 chỉ 18K tương đương là 2.614.000 đồng và ½ 01 nhẫn nam 5 chỉ 24 K tương đương là 8.512.500 đồng.

1.3.2 Chia cho anh Nguyễn Văn N như sau:

- Thừa đất số 1762, tờ bản đồ số 2, diện tích 1292,2m², đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp B, xã Tr, huyện C, Tiền Giang theo giấy chứng theo quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ CH 01058 ngày 31/12/2014 cấp cho anh N, chị Ng. Đất có vị trí: Đông giáp Trương Văn H, Tây giáp Nguyễn Văn Q, Nam giáp Huỳnh Văn P, Thái Văn S và Bắc giáp đường nước công cộng.

- Quyền sở hữu gồm:

+Vật dụng sinh hoạt chị Ng đang quản lý gồm: 01 bộ ghế salon, 01 giường hộp gỗ.

+ ½ giá trị nữ trang anh N quản lý gồm: 01 đôi bông tai 0,5 chỉ 18K; 01 nhẫn 1,5 chỉ 18K và 01 nhẫn 05 chỉ 24 K tương đương là 11.126.500 đ.

+½ giá trị gà anh N bán quản lý tiền là 1.100.000 đồng.

+½ số tiền mặt anh N quản lý 10.500.000 đồng.

1.3.3 Anh N giao cho chị Ng 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Arblade biển số 63B3- 157.76 và bản gốc giấy đăng ký xe mô tô, xe máy tên chủ xe Nguyễn Thị Bé Ng.

1.3.4 Chị Ng giao cho anh N 01 bộ ghế salon và 01 giường hộp gỗ.

1.3.5 Anh N thanh toán cho chị Ng giá trị tài sản chênh lệch là 59.446.500 (Năm mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm) đồng.

2. Anh N giao trả tài sản riêng cho chị Ng là 43.040.000 (Bốn mươi ba triệu không trăm bốn mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền theo nội dung Quyết định này thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng và thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền do các bên không có thỏa thuận nên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), chị Thái Thị C, chị Nguyễn Thị Lệ N, chị Nguyễn Thị Hồng P và 01 phần yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị S.

- Chị Ng, anh N mỗi người có nghĩa vụ như sau:

+ Trả cho Agribank số tiền 50.871.796 đồng tạm tính đến ngày 27/9/2018.

Kể từ ngày tiếp theo khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Khi chị Ng, anh N thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho Agribank. Agribank giao trả bản chính giấy chứng nhận quyền quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ CH 00614 ngày 14/01/2012 cho chị Ng, trả cho

anh N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ CH 01058 ngày 31/12/2014.

+ Trả cho chị C 05 (Năm) chỉ vàng 24K.

+ Trả cho chị Lê N 7.500.000 đồng.

- Anh N có nghĩa vụ trả cho chị P số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

- Chị Ng có nghĩa vụ trả cho chị P số tiền 65.000.000 (Sáu mươi lăm triệu) đồng và trả cho bà S 05 (05) chỉ vàng 24K.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền theo nội dung quyết định này thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền do các bên không có thỏa thuận nên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của chị Lưu Bửu H nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định.

* Ngày 15/10/2018 anh Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng và định giá lại 02 thửa đất tranh chấp.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: bị đơn anh Nguyễn Văn N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung kháng cáo: anh N kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị Hồng P, Thái Thị C, Đỗ Thị S, Lưu Bửu H và Nguyễn Thị Lệ N, chị Nguyễn Thị Dạ Th vắng mặt lần hai, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P, C, S, H, N, Th là có căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé Ng khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với anh Nguyễn Văn N. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp xin ly hôn, chia tài sản chung đúng theo quy định tại các Điều 33, Điều 38, Điều 55 và Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé Ng với bị đơn anh Nguyễn Văn N là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn N đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung kháng cáo: tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Văn N kháng cáo yêu cầu tòa án phúc thẩm giải quyết anh không đồng ý trả số tiền nợ của Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh huyện C; không đồng ý chia thửa đất số 1762, tờ bản đồ số 2, diện tích 1292,2m², đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp B, xã Tr, huyện C, Tiền Giang theo giấy chứng theo quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ CH 01058 ngày 31/12/2014 cấp cho anh N, chị Ng; không đồng ý trả cho chị C 05 (Năm) chỉ vàng 24K, trả cho chị Lê N 7.500.000 đồng, trả cho chị P số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng; không đồng ý chia ½ giá trị nữ trang: 01 đôi bông tai 0,5 chỉ 18K; 01 nhẫn 1,5 chỉ 18K và 01 nhẫn 05 chỉ 24 K tương đương là 11.126.500 đ, +½ giá trị gà anh N bán quản lý tiền là 1.100.000 đồng, +½ số tiền mặt anh N quản lý 10.500.000 đồng.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của anh N:

[6.1] - Đối với yêu cầu không đồng ý trả ½ số tiền nợ của Agribank số tiền vốn và lãi là 50.871.796 đồng tạm tính đến ngày 27/9/2018. Tại phiên tòa phúc thẩm anh N thừa nhận số tiền nợ ngân hàng vốn là 86.000.000 đồng là do anh là người tên vay vốn theo hợp đồng tín dụng 6903Lav201700754 ngày 20/01/2017, thời hạn vay 24 tháng, ngày trả cuối cùng 20/01/2019, anh là người trực tiếp nhận tiền tại ngân hàng. Anh N cho rằng anh nhận tiền về đưa hết cho chị Ng sử dụng nên anh không đồng ý trả. Chị Ng trình bày việc vay vốn là do anh N tự ý vay và sử dụng chị không biết gì, nhưng do nợ trong thời kỳ hôn nhân nên chị cũng đồng ý trả. Tại hợp đồng tín dụng là do anh N đứng tên vay, tiền anh N nhận, hiện nay chưa thanh toán vốn và lãi cho ngân hàng nên anh N phải có trách nhiệm trả số tiền nợ trên, chị Ng đồng ý trả ½ số nợ trên là đã có lợi cho anh. Do đó yêu cầu kháng cáo của anh N không có căn cứ để chấp nhận.

[6.2] - Đối với yêu cầu kháng cáo không đồng ý chia thửa đất số 1762, tờ bản đồ số 2, diện tích 1292,2m², đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp B, xã Tr, huyện C, Tiền Giang theo giấy chứng theo quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ CH 01058 ngày 31/12/2014 cấp cho anh N, chị Ng. Nguồn gốc đất các đương sự thống nhất do ông Nguyễn Thành D là cha ruột của anh N chuyển nhượng cho anh chị vào ngày 05/11/2014. Hợp đồng chuyển nhượng đã giảm 77.8m² đất so với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/9/2014. Do trừ 01 phần diện tích đất có xây cất căn nhà mà chị Ng

không tranh chấp và người nhận chuyển nhượng đất là cả chị Ng và anh N không chỉ một mình chị Ng như hợp đồng chuyển nhượng ngày 16/9/2014.

Anh N trình bày việc chuyển nhượng thửa đất giữa các bên chỉ là hình thức do gia đình anh có mâu thuẫn, cha của anh là ông D muốn anh và chị Ng đứng tên thửa đất 1762 để quản lý đất hương hỏa, thờ cúng nên 71.000.000 đồng giá trị chuyển nhượng đất ghi trong các hợp đồng trên anh và chị Ng không giao cho ông D, anh N cho rằng thửa đất này là tài sản riêng của anh là không có sở. Vì sau khi chị Ng, anh N nhận chuyển nhượng đất của ông D theo hợp đồng ký ngày 05/11/2014 đối với thửa đất số 1762 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 01058 ngày 31/12/2014 cho anh N, chị Ng. Nhưng anh N không yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp lại để ghi 01 mình tên của anh. Đồng thời, khi chị Ng và anh N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất 1762 giữa anh N và chị Ng không có văn bản thỏa thuận thửa đất này là tài sản riêng của anh N có chữ ký của chị Ng. Đồng thời, chị Ng không thừa nhận thửa đất 1762 là tài sản riêng của anh N và anh N không có tài liệu, chứng cứ chứng minh vấn đề anh trình bày. Ngoài ra từ khi ông D chuyển nhượng thửa đất trên cho anh N và chị Ng không có phát sinh tranh chấp với chị Ng và anh N. Từ căn cứ trên yêu cầu kháng cáo của anh N không có căn cứ không được hội đồng xét xử chấp nhận.

[6.3] - Đối với yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả cho chị C 05 (Năm) chỉ vàng 24K, trả cho chị L N 7.500.000 đồng, trả cho chị P số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng. Tại bản tự khai ngày 21/12/2017 và bản tự khai ngày 09/01/2018 anh N trình bày thừa nhận nợ chị P 30.000.000 đồng, nợ chị C 01 lượng vàng 24K mua đất ấp Th, xã Đ, huyện C là nợ chung và anh, chị Ng có tham gia hụi của chị N còn nợ 10 phần hụi chết mỗi phần 3.000.000 đồng. Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm anh N nêu có đóng hụi cho chị N dùm cho chị Ng 5 kỳ là 15.000.000 đồng là phù hợp với lời trình bày của chị N có nhận của anh N số tiền này. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của các đương sự đối với chị Ng và anh N mỗi người trả $\frac{1}{2}$ tiền cho chị P, chị N và $\frac{1}{2}$ vàng cho chị C là có căn cứ. Do đó yêu cầu kháng cáo của anh N không có căn cứ không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6.4] - Đối với yêu cầu kháng cáo không đồng ý chia $\frac{1}{2}$ giá trị nữ trang: 01 đôi bông tai 0,5 chỉ 18K; 01 nhẫn 1,5 chỉ 18K và 01 nhẫn 05 chỉ 24 K tương đương là 11.126.500 đ, + $\frac{1}{2}$ giá trị gà anh N bán quản lý tiền là 1.100.000 đồng, + $\frac{1}{2}$ số tiền mặt anh N quản lý 10.500.000 đồng. Tại bản tự khai của anh N ngày 09/01/2018 tại số thứ tự 2) trang 3 về tài sản chung, anh N nêu ý kiến đã bán đề xài, chữa trị cho chị Ng do bị tai nạn giao thông gồm 01 sợi dây chuyền 04 chỉ vàng 18K, 01 đôi bông tai 0,5 chỉ vàng 18K, 01 bộ xi men 01 cây vàng 18 (tôi mua tặng vợ tôi); Gà đã bán. Căn cứ vào lời trình bày của chị Ng, của anh N tại các bản khai trên xác định được anh N có quản lý tiền mặt 21.000.000 đồng, quản lý tiền bán gà 2.200.000 đồng; quản lý nữ trang gồm: 01 đôi bông tai vàng 0,5 chỉ vàng 18K; 01 nhẫn 1,5 chỉ vàng 18K, 01 nhẫn 05 chỉ vàng 24K là tài sản chung của chị Ng và anh N, anh N đã tự ý bán không thông qua chị Ng, anh N chỉ có

quyền định đoạt ½ số tài sản trên, nhưng anh N đã định đoạt hết toàn bộ số tài sản của anh và chị Ng là vi phạm. Do đó yêu cầu của chị Ng về việc chia các tài sản này là có cơ sở nên được chấp nhận.

Anh N kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh N, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

[7] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh N, nên anh N phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 296, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 55, 33, 43, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điều 213, 463, 466, 470, 471 và 290 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng điểm a, b, c khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày ngày 30/12/2016.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn N.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 672/2018/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé Ng.

1.1 Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bé Ng và anh Nguyễn Văn N.

1.2 Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thành Tr sinh ngày 09 tháng 3 năm 2007 cho chị Nguyễn Thị Bé Ng trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con. Ghi nhận sự tự nguyện của anh N phải đóng góp nuôi con với chị Ng số tiền là 700.000 (Bảy trăm ngàn) đồng/tháng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi.

1.3 Về chia tài sản:

1.3.1 Chia cho chị Nguyễn Thị Bé Ng như sau:

- Thừa đất số 2101, tờ bản đồ số 2, diện tích 150m² tọa lạc tại ấp Th, xã Đ, huyện C, Tiền Giang theo giấy chứng theo quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ CH 00614 ngày 14/01/2012 cho bà Đoàn Thị L, được thay đổi tại phần IV trang 3 ngày 20/5/2016 chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn N. Đất có vị trí: Đông và Bắc giáp Đặng Văn Tr, Tây giáp Đặng Thị D, Nam giáp Đường Bờ Miếu.

- Quyền sở hữu gồm:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Arblade biển số 63B3- 157.76 do chị Ng đứng tên chứng đăng ký xe mô tô, xe máy, anh N đang quản lý xe.

+Vật dụng sinh hoạt đang quản lý gồm: 01 tủ lạnh Sanaky, 01 đầu đĩa Arirang, 01 máy giặt Sanyo, 01 bộ bếp ga.

+ $\frac{1}{2}$ giá trị gà anh N bán quản lý tiền là 1.100.000 đồng.

+ $\frac{1}{2}$ số tiền mặt anh N quản lý 10.500.000 đồng.

+ $\frac{1}{2}$ giá trị nữ trang với số tiền 11.126.500 đồng, bao gồm: $\frac{1}{2}$ giá trị đôi bông tai 0,5 chỉ 18K và $\frac{1}{2}$ giá trị 01 nhẫn nam 1,5 chỉ 18K tương đương là 2.614.000 đồng và $\frac{1}{2}$ 01 nhẫn nam 5 chỉ 24 K tương đương là 8.512.500 đồng.

1.3.2 Chia cho anh Nguyễn Văn N như sau:

- Thừa đất số 1762, tờ bản đồ số 2, diện tích 1292,2m², đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp B, xã Tr, huyện C, Tiền Giang theo giấy chứng theo quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ CH 01058 ngày 31/12/2014 cấp cho anh N, chị Ng. Đất có vị trí: Đông giáp Trương Văn H, Tây giáp Nguyễn Văn Q, Nam giáp Huỳnh Văn P, Thái Văn S và Bắc giáp đường nước công cộng.

- Quyền sở hữu gồm:

+Vật dụng sinh hoạt chị Ng đang quản lý gồm: 01 bộ ghế salon, 01 giường hộp gỗ.

+ $\frac{1}{2}$ giá trị nữ trang anh N quản lý gồm: 01 đôi bông tai 0,5 chỉ 18K; 01 nhẫn 1,5 chỉ 18K và 01 nhẫn 05 chỉ 24 K tương đương là 11.126.500 đ.

+ $\frac{1}{2}$ giá trị gà anh N bán quản lý tiền là 1.100.000 đồng.

+ $\frac{1}{2}$ số tiền mặt anh N quản lý 10.500.000 đồng.

1.3.3 Anh N giao cho chị Ng 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Arblade biển số 63B3- 157.76 và bản gốc giấy đăng ký xe mô tô, xe máy tên chủ xe Nguyễn Thị Bé Ng.

1.3.4 Chị Ng giao cho anh N 01 bộ ghế salon và 01 giường hộp gỗ.

1.3.5 Anh N thanh toán cho chị Ng giá trị tài sản chênh lệch là 59.446.500 (Năm mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm) đồng.

2. Anh N giao trả tài sản riêng cho chị Ng là 43.040.000 (Bốn mươi ba triệu không trăm bốn mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền theo nội dung Quyết định này thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương

ứng và thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền do các bên không có thỏa thuận nên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), chị Thái Thị C, chị Nguyễn Thị Lệ N, chị Nguyễn Thị Hồng P và 01 phần yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị S.

- Chị Ng, anh N mỗi người có nghĩa vụ như sau:

+ Trả cho Agribank số tiền 50.871.796 đồng tạm tính đến ngày 27/9/2018.

Kể từ ngày tiếp theo khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Khi chị Ng, anh N thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho Agribank. Agribank giao trả bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ CH 00614 ngày 14/01/2012 cho chị Ng, trả cho anh N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ CH 01058 ngày 31/12/2014.

+ Trả cho chị C 05 (Năm) chỉ vàng 24K (99%).

+ Trả cho chị Lệ N 7.500.000 đồng.

- Anh N có nghĩa vụ trả cho chị P số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

- Chị Ng có nghĩa vụ trả cho chị P số tiền 65.000.000 (Sáu mươi lăm triệu) đồng và trả cho bà S 05 (05) chỉ vàng 24K (99%).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền theo nội dung quyết định này thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền do các bên không có thỏa thuận nên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của chị Lưu Bửu H nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

6. Về án phí: Chị Ng phải chịu 20.668.414 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.59400 đồng theo phiếu thu số 26739, 26740 ngày 19/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên chị Ng nộp tiếp 15.074.414 đồng.

Anh N phải chịu 19.469.164 đồng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008920 ngày 15/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên anh N nộp tiếp 19.469.164 đồng.

Bà S phải chịu 851.250.000 đồng án phí sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 925.000 đồng theo biên lai thu số 26838 ngày 22/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên bà S được nhận lại 73.750 đồng.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), chị C, chị N, chị P và chị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cụ thể: Agribank là 2.429.700 đồng, chị N là 375.000 đồng, chị P là 2.000.000 đồng, chị C là 925.000 đồng và chị H là 750.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 08380 ngày 11/6/2018, số 08651 ngày 09/8/2018, số 26836, 26839 và 26837 ngày 22/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. Án tuyên vào lúc 14 giờ ngày 14 tháng 8 năm 2020 có mặt chị Ng, anh N, đại diện Viện kiểm sát.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyền

Thành viên HĐXX

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa